

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 24/01/2025

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Nghệ và ông Hoàng Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 481/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23/10/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ

chồng không còn, tháng 10 năm 2024 chị Lý Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Q.

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày quan điểm thể hiện:* Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hiểu nhau, anh Q ham chơi cờ bạc, rượu chè... dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, hiện vợ chồng đang sống ly thân từ khoảng giữa năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tiên đề N Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Q.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Trần Minh Q trình bày* Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hiểu nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Khi mâu thuẫn của hai vợ chồng quá căng thẳng, anh và chị T đã quyết định sống ly thân mỗi người một nơi, hiện nay anh chị đã sống ly thân được 02 năm. Trong thời gian mâu thuẫn anh và chị T đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị T hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có quan điểm là nhất trí ly hôn với chị Lý Thị T.

** Về con chung:* Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q có 02 người con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 06/10/2010 và Trần Thế H1, sinh ngày 07/4/2015. Quá trình giải quyết chị T và anh Q cùng có quan điểm giao cháu H, H1 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Minh Q không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lý Thị T.

Lời khai của cháu Trần Trọng H và cháu Trần Thế H1 có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

** Về tài sản chung:* Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q tự thoả thuận, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

** Về vay nợ chung:* Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q không có, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

** Kết quả xác minh thể hiện:* Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q có đăng ký kết hôn với nhau vào 28/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, anh Q hay uống rượu, không chăm lo đến đời sống gia đình nên dẫn đến hay xảy ra to tiếng cãi vã, xích mích. Hiện nay chị T và anh Q đang sống ly thân. Mâu thuẫn đã được thôn và gia đình hoà giải nhưng không thành.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Trần Minh Q đến để Toà án tổ chức mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Trần Minh Q không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trần Minh Q; giao cháu Trần Trọng H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Thế H1, sinh ngày 07/4/2015 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q xác định tự thoả thuận, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý; về vay nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lý Thị Tiên đề N Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Q và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trần Minh Q nhiều lần nhưng anh Q không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Trần Minh Q vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Tháng 10 năm 2024 chị Lý Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Q. Anh Q có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Lý Thị T.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trần Minh Q.

2.2. Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q có 02 con chung là cháu Trần Trọng H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Thế H1, sinh ngày 07/4/2015.

Xét thấy, cháu Trần Trọng H và cháu Trần Thế H1 là con chung của chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q cùng có quan điểm giao các cháu H và H1 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Lời khai của cháu Trần Trọng H và cháu Trần Thế H1 có trong hồ sơ thể hiện các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, xét nguyện vọng của các đương sự, căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Trần Trọng H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Thế H1, sinh ngày 07/4/2015 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q đều xác định tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về vay nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Minh Q đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trần Minh Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 28 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trọng H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Thế H1, sinh ngày 07/4/2015 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Trần Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lý Thị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002066604, ngày 23/10/2024 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 00001536, ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã P (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến